

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2026/HNGĐ - ST**

Ngày 22 tháng 5 năm 2026.

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Hùng và ông Nguyễn Đăng Khoa.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 102/2026/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2026 *“Về việc Ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hùng S, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn G E, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn G E, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2026, biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Hùng S trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi (S) và bà Phạm Thị H, trước khi kết hôn chúng tôi đã có vợ, chồng và đã ly hôn theo quy định của pháp luật. Qua thời gian tìm hiểu và chúng tôi kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 18/7/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Cũ). Thời gian sau kết hôn chúng tôi sống với nhau bình thường, nhưng do công việc làm ăn của tôi phải đi ra ngoài xã hội, có khi phải vắng nhà vài ngày không về, nên bà Phạm Thị H nghi ngờ tôi sống không chung thủy, nên từ năm 2024 cuộc sống gia đình luôn xảy ra mâu thuẫn, bất hòa mà vợ chồng không thể giải quyết với nhau được. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng tôi đã quá trầm trọng, các bên không còn tình cảm gì với nhau, không thể hàn gắn để chung sống cùng nhau được và chúng tôi đã thống nhất thuận tình ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Phạm Thị H.

- *Về con chung*: Chúng tôi chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 25/3/2026 và biên bản hòa giải ngày 13/4/2026, tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Qua phần trình bày của ông Nguyễn Hùng S về thời gian kết hôn ở trên là đúng, tôi không bổ sung thêm về nội dung này.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do công việc của gia đình tôi buôn bán hàng ăn, nên đầu năm 2025, tôi có thuê nhân viên để phụ giúp chúng tôi trong công việc thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do ông Nguyễn Hùng S không chung thủy với tôi, có tình cảm nam, nữ với cô nhân viên này, và qua lại với người này như vợ chồng, từ đó vợ chồng tôi mất niềm tin với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mà không thể giải quyết được. Mặc dù tôi vẫn còn yêu thương ông Nguyễn Hùng S, cố níu kéo hạnh phúc gia đình, nhưng ông Nguyễn Hùng S không còn tình cảm với tôi và muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân với tôi, nên tôi cũng đồng ý với điều kiện, ông Nguyễn Hùng S lấy ai cũng được, nhưng không được lấy người đã phá vỡ hạnh phúc của tôi.

- *Về con chung*: Chúng tôi chưa có con chung như ông Nguyễn Hùng S trình bày ở trên là đúng, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phần tranh luận:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Hùng S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị H.

- Bị đơn bà Phạm Thị H đồng ý ly hôn, nhưng với điều kiện ông Nguyễn Hùng S không được lấy cô nhân viên đã phá hạnh phúc của bà.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- *Về nội dung*: Sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, lời khai nhận của các đương sự tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng S.

- *Quan hệ hôn nhân*: Xử cho ông Nguyễn Hùng S được ly hôn với bà Phạm Thị H.

- *Về con chung*: Ông Nguyễn Hùng S và bà Phạm Thị H không có con chung, nên không đặt ra để giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Hùng S phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hùng S, Tòa án nhân dân khu vực 7 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: “*Kiên ly hôn*”. Tại thời điểm thụ lý đơn khởi kiện, bị đơn bà Phạm Thị H đăng ký hộ khẩu và cư trú tại thôn G E, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng S:

[2.1] *Xét quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Hùng S và bà Phạm Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã E, (trước đây là thị trấn E), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/7/2017, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Các bên đương sự đều thừa nhận, trong cuộc sống chung của ông Nguyễn Hùng S và bà Phạm Thị H, do bất đồng về quan điểm sống, lối sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng mất lòng tin với nhau, nhưng ông Nguyễn Hùng S và bà Phạm Thị H không có giải pháp giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn hạnh phúc gia đình, dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng mâu thuẫn hơn mà không thể giải quyết với nhau được. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng các bên không làm được điều đó, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không giải quyết dứt điểm, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng S là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, ông Nguyễn Hùng S và bà Phạm Thị H đều xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Nguyễn Hùng S và bà Phạm Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Hùng S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Nguyễn Hùng S đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự Đắk Lắk theo biên lai thu số 0002695 ngày 17/3/2026.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng S.

- *Về hôn nhân*: Xử cho ông Nguyễn Hùng S được ly hôn với bà Phạm Thị H.

- *Về con chung*: Ông Nguyễn Hùng S và bà Phạm Thị H chước có con chung.

Nên không đặt ra đề giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Hùng S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do ông Nguyễn Hùng S đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0002695 ngày 17/3/2026.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7;
- Thi hành án DS;
- Các đương sự;
- UBND xã Ea Knốp;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

NGUYỄN MẠNH TUÂN